Trung tâm Công báo và Tin học
Văn phòng Ủy ban Nhân dân,
Tỉnh Quảng Ngãi
03.11.2022 15:37:01 +07:00

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 03/11/2022 15:13:32

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 171 /KH-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 11 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình bố trí dân cư vùng thiên tai trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 về việc phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di dân tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 5668/BNN-KTHT ngày 29/8/2022 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới hải đảo, di dân tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030; trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại các Công văn: số 3200/SNNPTNT-PTNT ngày 19/9/2022 và số 3678/SNNPTNT-PTNT ngày 18/10/2022; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Chương trình bố trí dân cư trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Thực hiện bố trí, sắp xếp dân cư đang sinh sống tại vùng thiên tai, nhằm phòng, tránh, hạn chế mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, hỗ trợ người dân tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai cho 6.457 hộ.

b) Phấn đấu đến năm 2025 cơ bản không còn tình trạng di dân tự do; tại các vùng dự án bố trí ổn định dân cư: Tỷ lệ hộ nghèo giảm 3%/năm, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 75%, tỷ lệ hộ sử dụng điện thắp sáng thường xuyên đạt 100%, tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt 100%.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi:

Chương trình thực hiện bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch tại vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng: Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tập trung, xen ghép, ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

a) Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét; hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.

b) Cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người dân tái định cư tập trung, xen ghép.

3. Phạm vi và đối tượng của Chương trình trên không bao gồm phạm vi, đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN BỐ TRÍ DÂN CƯ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Công tác chỉ đạo điều hành bố trí dân cư:

- Thực hiện Công văn số 4353/BNN-KTHT ngày 13/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục triển khai thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 3714/UBND-NNTN ngày 30/7/2021 về việc tiếp tục triển khai thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư.

- Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di dân tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh đã ban hành các Công văn: số 3449/UBND-KTN ngày 14/7/2022 và số 4402/UBND-KTN ngày 31/8/2022 để triển khai thực hiện.

2. Kế hoạch phát triển sản xuất, phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và tuyên truyền, nâng cao năng lực quản lý thực hiện Chương trình:

a) Kế hoạch phát triển sản xuất vùng bố trí ổn định dân cư: Xây dựng tại mỗi điểm tái định cư tập trung, xen ghép một mô hình sản xuất nông nghiệp về chăn nuôi, trồng trọt.

b) Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm: Hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ gia đình được bố trí đến vùng dự án bố trí ổn định dân cư, đặc biệt với những hộ không bảo đảm quỹ đất sản xuất nông nghiệp để ổn định đời sống.

c) Tuyên truyền, nâng cao năng lực quản lý thực hiện Chương trình:

- Công tác tuyên truyền: Tổ chức tuyên truyền về chủ trương và các

chính sách tại Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di dân tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

- Nâng cao năng lực quản lý thực hiện Chương trình: Thường xuyên rà soát, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về quản lý, phối hợp với các đơn vị chức năng của tỉnh tập huấn nâng cao năng lực thực hiện Chương trình cho cán bộ, công chức và người làm công tác bố trí dân cư.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

3. Kế hoạch thực hiện bố trí ổn định dân cư

a) Về số hộ:

- Bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 cho: 6.457 hộ.

- Hình thức bố trí: Tập trung: 242 hộ; xen ghép: 622 hộ và ổn định tại chỗ: 5.593 hộ.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

b) Về hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng thiết yếu vùng bố trí ổn định dân cư:

- Giao thông: 150 km.

- Thuỷ lợi: 50 công trình.

- Nước sinh hoạt: Giếng nước, bể chứa nước: 90 cái.

- Hệ thống điện sinh hoạt: Chiều dài đường dây trung và hạ thế: 150 km.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)

c) Dự án đầu tư bố trí dân cư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025: Tổng số dự án đầu tư bố trí dân cư vùng thiên tai trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoan 2021 - 2025: 06 dự án.

- Quy mô 242 hộ.

- Kinh phí: 184.200 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo)

4. Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn thực hiện chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2021 - 2025:

a) Tổng kinh phí dự kiến: 294.015 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 205.811 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 128.940 triệu đồng; vốn sự nghiệp kinh tế: 76.871 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương: 88.205 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 55.260 triệu đồng; vốn sự nghiệp kinh tế: 32.945 triệu đồng).

b) Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

(Chi tiết tại Phụ lục 05 kèm theo)

5. Dự án cấp bách bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai trong giai đoạn 2023 - 2025: Tổng số dự án 03 dự án:

- Quy mô 87 hộ.

- Kinh phí: 154.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 06 kèm theo)

IV. TỔ CHỨC, THỰC HIỆN:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn các huyện, thị xã và thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; rà soát quy hoạch và tổng hợp các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư cấp bách do các địa phương đề xuất để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

b) Xây dựng dự toán kinh phí sự nghiệp kinh tế hàng năm để thực hiện các nội dung nhiệm vụ của Chương trình, gửi Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ di dời dân cư cấp bách khỏi khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lỡ đất, sạt lỡ bờ sông.

d) Phối hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, người làm công tác bố trí dân cư.

đ) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành có liên quan và chính quyền các cấp phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, quần chúng nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các dự án thực hiện trên địa bàn tỉnh.

e) Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hàng năm và giai đoạn 2021 - 2025; đề xuất các giải pháp thực hiện hiệu quả Chương trình gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo yêu cầu.

2. Sở Tài chính: Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm lập dự toán hàng năm, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp kinh tế hàng năm cho ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện kế hoạch phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương, tổng hợp các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư vào kế hoạch đầu tư

công trung hạn, trình cấp có thẩm quyền theo quy định, kết hợp lồng ghép nguồn vốn các chương trình dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để triển khai thực hiện Chương trình.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

4. UBND các huyện, thị xã và thành phố:

a) Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư vào các khu tái định cư; chủ động bố trí nguồn vốn của địa phương, kết hợp lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình, dự án hợp pháp khác trên địa bàn hỗ trợ phát triển sản xuất, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định đời sống lâu dài cho các hộ di dân.

b) Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hàng năm và giai đoạn 2021 - 2025, đề xuất các giải pháp thực hiện hiệu quả Chương trình gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp chung.

Yêu cầu các sở, ngành và địa phương khẩn trương triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, thì chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giải quyết hoặc tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo theo quy định./.

Nơi nhận:
- Văn phòng chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Lao động, Thương bình và Xã hội;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, KTN. pbc640

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đặng Văn Minh

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, VIỆC LÀM, TUYÊN TRUYỀN NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH BỐ TRÍ DÂN CƯ

(Kèm theo Kế hoạch số 171 /KH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH giai đoạn 2021-2025	Trong đó					Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	TỔNG SỐ		**581**	**0**	**0**	**196**	**186**	**199**	
1	Phát triển sản xuất vùng bố trí dân cư	Mô hình	36			12	12	12	
2	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm vùng bố trí dân cư	Người	361			123	113	125	
3	Tuyên truyền	lần	34			11	11	12	
4	Nâng cao năng lực quản lý Chương trình	Người	150			50	50	50	

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG THIÊN TAI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 471 /KH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Danh mục	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 (hộ)	Trong đó (hộ)					Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	TỔNG SỐ	**6.457**	**-**	**-**	**2.398**	**1.957**	**2.102**	
	Bố trí dân cư vùng thiên tai	**6.457**	**-**	**-**	**2.398**	**1.957**	**2.102**	
	Trong đó:							
	Tập trung	***242***			*70*	*17*	*155*	
	Xen ghép	***622***			*215*	*213*	*194*	
	Ổn định tại chỗ	***5.593***			*2.113*	*1.727*	*1.753*	

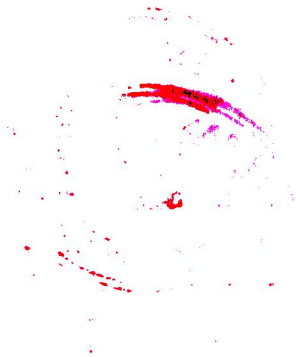

Phụ lục 3

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG TẠI DỰ ÁN BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG THIÊN TAI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 4771 /KH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Danh mục	ĐVT	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Trong đó					Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Giao thông	Km	150			50	50	50	
2	Thuỷ lợi	Công trình	50			10	20	20	
3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung	Công trình							
4	Hệ thống thoát nước	Công trình							
5	Giếng, Bể chứa nước	Chiếc	90			30	30	30	
6	Trạm biến áp	Trạm							
7	Đường dây trung và hạ thế	Km	150			50	50	50	
8	Trường học, mẫu giáo	Phòng							
9	Trạm y tế	Trạm							
10	Nhà văn hóa	Công trình							
11	Cầu nông thôn	Chiếc							
12	San lấp mặt bằng khu dân cư	m3							
...	Các công trình khác	Công trình							

Phụ lục 4

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 171 /KH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng (thôn, xã, huyện)	Quy mô (hộ)	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 (triệu đồng)	Trong đó														
					Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
					Số hộ (hộ)	Kinh phí		Số hộ (hộ)	Kinh phí		Số hộ (hộ)	Kinh phí		Số hộ (hộ)	Kinh phí		Số hộ (hộ)	Kinh phí	
						NSTW	NSĐP+ Vốn khác		NSTW	NSĐP + Vốn khác		NSTW	NSĐP+ Vốn khác		NSTW	NSĐP+ Vốn khác		NSTW	NSĐP+ Vốn khác
	TỔNG SỐ		**242**	**184.200**	-	-	-	-	-	-	**70**	**70.000**	**30.000**	**17**	**37.800**	**16.200**	**155**	**21.140**	**9.060**
	DA bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai		**242**	**184.200**							**70**	**70.000**	**30.000**	**17**	**37.800**	**16.200**	**155**	**21.140**	**9.060**
1	Khu dân cư xóm 4	Thôn Thạch An, xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn	43	50.000							43	35.000	15.000						
2	Khu tái định cư Đồng Bé, đội 8	Thôn Mỹ Long Tây, xã Bình Minh, huyện Bình Sơn	27	50.000							27	35.000	15.000						
3	Khu tái định cư Rừng Cấm Dưới, đội 6, xóm Nhì Đông	Thôn Tân Phướng Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Sơn	17	54.000										17	37.800	16.200			
4	Khu dân cư Gò Dưa	Thôn Tham Hội 2, xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn	65	12.200													65	8.540	3.660
5	Khu dân cư Đồng Cát Minh Hội Đông và Minh Hội Tây	Thôn Tham Hội 3, xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn	50	10.000													50	7.000	3.000
6	Khu dân cư Vườn Đình	Thôn Phước Hoà, xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn	40	8.000													40	5.600	2.400

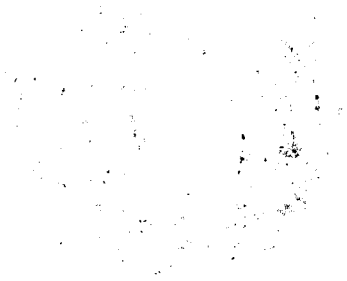

Phụ lục 5

KẾ HOẠCH VỐN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG THIÊN TAI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 171 /KH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025			Phân kỳ đầu tư													
					Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			ĐTPT	SNKT		ĐTPT	SNKT		ĐTPT	SNKT		ĐTPT	SNKT		ĐTPT	SNKT		ĐTPT	SNKT
	TỔNG SỐ	**294.015**	**184.200**	**109.815**							**140.245**	**100.000**	**40.245**	**86.805**	**54.000**	**32.805**	**66.965**	**30.200**	**36.765**
	(1) NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	**205.811**	**128.940**	**76.871**							**98.172**	**70.000**	**28.172**	**60.764**	**37.800**	**22.964**	**46.876**	**21.140**	**25.736**
	(2) NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**88.205**	**55.260**	**32.945**							**42.074**	**30.000**	**12.074**	**26.042**	**16.200**	**9.842**	**20.090**	**9.060**	**11.030**
	(3) VỐN KHÁC										-			-			-		
	Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai	**294.015**	**184.200**	**109.815**	-	-	-	-	-	-	**140.245**	**100.000**	**40.245**	**86.805**	**54.000**	**32.805**	**66.965**	**30.200**	**36.765**
1	Ngân sách TƯ	205.811	128.940	76.871							98.172	70.000	28.172	60.764	37.800	22.964	46.876	21.140	25.736
2	Ngân sách địa phương	88.205	55.260	32.945							42.074	30.000	12.074	26.042	16.200	9.842	20.090	9.060	11.030
3	Vốn khác																		

Phụ lục 6

DANH MỤC DỰ ÁN CẤP BÁCH BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG THIÊN TAI TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 171 /KH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng (thôn, xã, huyện)	Quy mô (hộ)	Tổng số	Giai đoạn 2021-2025		Năm 2023			Năm 2024		
					NSTW	NSĐP	Số hộ (hộ)	Kinh phí		Số hộ (hộ)	Kinh phí	
								NSTW	NSĐP+ Vốn khác		NSTW	NSĐP+ Vốn khác
	TỔNG SỐ		**87**	**154.000**	**107.800**	**46.200**	**70**	**70.000**	**30.000**	**17**	**37.800**	**16.200**
	DA bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai		**87**	**154.000**	**107.800**	**46.200**	**70**	**70.000**	**30.000**	**17**	**37.800**	**16.200**
1	Khu dân cư xóm 4	Thôn Thạch An, xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn	43	**50.000**	35.000	15.000	43	35.000	15.000			
2	Khu tái định cư Đồng Bé, đội 8	Thôn Mỹ Long Tây, xã Bình Minh, huyện Bình Sơn	27	**50.000**	35.000	15.000	27	35.000	15.000			
3	Khu tái định cư Rừng Cấm Dưới, đội 6, xóm Nhì Đông	Thôn Tân Phướng Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Sơn	17	**54.000**	37.800	16.200				17	37.800	16.200